**Ký tự (Character) :** Là một phím được nhấn từ vùng phím ký tự trên bàn phím (ngoại trừ các phím Shift, Ctrl, Alt và Caps Lock). Khi nhấn phím Spacebar, bạn đã nhập một ký tự trắng (blank character) hay một khoảng trống (space) vào văn bản. Bạn cũng cần phân biệt rõ hai loại ký tự, đó là : những ký tự in được (printable character) và những ký tự không in ra giấy (non-printing character, những ký tự này thấy được trên màn hình). **Ký tự (Character) :** Là một phím được nhấn từ vùng phím ký tự trên bàn phím (ngoại trừ các phím Shift, Ctrl, Alt và Caps Lock). Khi nhấn phím Spacebar, bạn đã nhập một ký tự trắng (blank character) hay một khoảng trống (space) vào văn bản. Bạn cũng cần phân biệt rõ hai loại ký tự, đó là : những ký tự in được (printable character) và những ký tự không in ra giấy (non-printing character, những ký tự này thấy được trên màn hình). **Ký tự (Character) :** Là một phím được nhấn từ vùng phím ký tự trên bàn phím (ngoại trừ các phím Shift, Ctrl, Alt và Caps Lock). Khi nhấn phím Spacebar, bạn đã nhập một ký tự trắng (blank character) hay một khoảng trống (space) vào văn bản. Bạn cũng cần phân biệt rõ hai loại ký tự, đó là : những ký tự in được (printable character) và những ký tự không in ra giấy (non-printing character, những ký tự này thấy được trên màn hình). Bạn cũng cần phân biệt rõ hai loại ký tự, đó là : những ký tự in được (printable character) và những ký tự không in ra giấy (non-printing character, những ký tự này thấy được trên màn hình). **Ký tự (Character) :** Là một phím được nhấn từ vùng phím ký tự trên bàn phím (ngoại trừ các phím Shift, Ctrl, Alt và Caps Lock). Khi nhấn phím Spacebar, bạn đã nhập một ký tự trắng (blank character) hay một khoảng trống (space) vào văn bản. Bạn cũng cần phân biệt rõ hai loại ký tự, đó là : những ký tự in được (printable character) và những ký tự không in ra giấy (non-printing character, những ký tự này thấy được trên màn hình).